

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HS-ST

Ngày 22/5/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Anh.

Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Ông Trình Ngọc Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 27 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 05/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Hồng D, Sinh ngày 29 tháng 8 năm 1997 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 10/12; con ông Phạm Hồng T (đã chết) và bà Trần Thị N, sinh năm 1973; chưa có

vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/5/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Nguyễn Kim T1, Sinh ngày 19 tháng 6 năm 2004 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; con ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1984; chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/5/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Phụng T3, Sinh ngày 06 tháng 10 năm 1999 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; con ông Lê Phụng H (đã chết) và bà Lê Thị B1, sinh năm 1968; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/5/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Tổng H1 (Tên gọi khác: T4), S ngày 17 tháng 5 năm 1993 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; con ông Nguyễn Phi L, sinh năm 1964 và bà Tổng Thị H2, sinh năm 1970; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/5/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Huỳnh Ngọc P (Tên gọi khác: T4 em), Sinh ngày 13 tháng 6 năm 1999 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; con ông Huỳnh Ngọc Y, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị B2, sinh năm 1975; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/5/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Trương Thị Cẩm T5, Sinh ngày 5 tháng 10 năm 1995 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: 8 N, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; con ông Trương Văn C, sinh năm 1970 và bà Kiều Thị M, sinh năm 1975; có chồng tên Phan Ngọc T6 (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2012; tiền án: Không;

- Tiền sự: Ngày 06/8/2021 và ngày 14/8/2021 bị Công an phường F, thành phố T xử phạt vi phạm hành chính mỗi lần 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành xong ngày 20/02/2023);

- Nhân thân: Ngày 25/01/2024, bị TAND tỉnh Phú Yên xử phạt 17 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2022, hiện nay đang thi hành bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST tại Trại Giam A. Bị cáo đang được trích xuất về Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, có mặt tại phiên tòa.

* Bị cáo:

1. Phạm Hồng D, Sinh ngày 29 tháng 8 năm 1997; Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

2. Trương Nguyễn Kim T1, Sinh ngày 19 tháng 6 năm 2004; Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

3. Lê Phụng T3, Sinh ngày 06 tháng 10 năm 1999; Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

4. Nguyễn Tổng H1 (*Tên gọi khác: T4*), S ngày 17 tháng 5 năm 1993; Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

5. Huỳnh Ngọc P (*Tên gọi khác: T4 em*), Sinh ngày 13 tháng 6 năm 1999; Nơi cư trú: KP L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

6. Trương Thị Cẩm T5, Sinh ngày 5 tháng 10 năm 1995; Nơi cư trú: 8 N, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tổng H1 (bào chữa theo yêu cầu): Luật sư Nguyễn Thanh M1 – Luật sư Công ty L3, thuộc đoàn Luật sư tỉnh P. Có mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Lương Chí C1 – Sinh năm: 2001; Trú tại: Thôn P, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2/ Nguyễn Chí T7 – Sinh năm: 1999; Trú tại: Khu phố L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3/ Nguyễn Thị Thị L1 – Sinh năm: 1989; Trú tại: Khu phố L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4/ Nguyễn Phi L – Sinh năm: 1964; Trú tại: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

5/ Trần Thị H3 – Sinh năm: 1962; Trú tại: Thôn T, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

6/ Huỳnh Ngọc Y – Sinh năm: 1971; Trú tại: Khu phố L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Một ngày trong tháng 9 năm 2022, Trương Thị Cẩm T5 gặp một đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) tại Bến xe M- thành phố Hồ Chí Minh để mua ma túy loại Methamphetamine. Sau đó, T5 đón xe ô tô khách về nhà ở khu phố N- phường I- thành phố T- tỉnh Phú Yên để phân nhỏ ma túy bán cho người khác để kiếm lời. Khoảng 19h00' ngày 21/10/2022, Phạm Hồng D gọi điện thoại cho Trương Thị Cẩm T5 để mua ma túy. Tiên đồng ý. Sau đó, D đi đến cổng sau Bệnh viện Đa khoa tỉnh P thuộc phường I- thành phố T gặp T5 để nhận ma túy và đưa cho T5 số tiền 500.000 đồng.

Đến khoảng 20h00' cùng ngày, D mang ma túy đón xe buýt từ thành phố T về đến nhà nghỉ H4 ở khu phố L- thị trấn L- huyện Đ (do chị Trần Thị Thị L2 làm chủ) thuê phòng số 108 rồi liên lạc với Trương Nguyễn Kim T1 đến để cùng sử dụng ma túy. Khi T1 đến phòng số 108, D lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã chuẩn bị sẵn nhưng thiếu ống hút nhựa nên T1 gọi điện thoại nhờ Lương Chí C1 mua mang đến rồi C1 đi về còn D và T1 thay phiên nhau sử dụng ma túy. Lúc này, D gọi điện thoại cho Nguyễn Văn N1 đến phòng số 108 và cả ba cùng nhau sử dụng ma túy. Một lúc sau, N1 đi về còn lại D, T1 tiếp tục sử dụng ma túy và T1 đưa cho D 100.000 đồng để góp vào số tiền mà D đã bỏ ra để mua ma túy. Trong quá trình ở tại phòng 108, D và T1 thống nhất với nhau sẽ bán ma túy cho người khác để lấy tiền.

Đến khoảng 21h00' cùng ngày, Lê Phụng T3 (lúc này cũng đang ở phòng số 101 của nhà nghỉ H4) gọi điện thoại cho T1 hỏi mua ma túy với giá 300.000 đồng.

D và T1 đồng ý. T1 nhận gói ma túy từ D phân nhỏ bỏ vào một đoạn ống hút nhựa rồi T1 mang đến phòng số 101 giao cho T3 và nhận 250.000 đồng (T3 đưa 100.000 đồng, chuyển khoản 150.000 đồng). T1 không giao cho D số tiền 250.000 đồng mà gọi điện thoại nhờ Nguyễn Văn N1 chuyển khoản cho D số tiền 290.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T3 gọi điện thoại rủ Nguyễn Tống H1 đến và cả hai cùng nhau sử dụng hết số ma túy vừa mua được. Đến sáng ngày 22/10/2022, cả hai đi về nhà. Đến khoảng 11h00' cùng ngày, T3 và H1 thống nhất cùng góp tiền để mua ma túy tiếp tục sử dụng. H1 đưa cho T3 số tiền 200.000 đồng rồi điều khiển xe mô tô BKS: 78- 330PX chở T3 đến nhà nghỉ H4. Cả hai thuê phòng số 101 để tiếp tục sử dụng ma túy. T3 chuẩn bị sẵn bộ D1 để sử dụng ma túy rồi gọi điện thoại cho T1 để mua ma túy với giá 200.000 đồng. T1 tiếp tục đổ ma túy vào đoạn ống hút nhựa mang đến phòng 101 bán cho T3 rồi mang tiền về phòng số 108 đưa cho D. Sau đó, T3 và H1 thay phiên nhau sử dụng số ma túy này. Đến khoảng 12h00' cùng ngày, T3 gọi điện thoại rủ Nguyễn Chí T7 đến phòng số 101 để sử dụng ma túy. Khi T7 đến, T3 chỉ cho T7 biết vị trí để ma túy và T7 tự sử dụng ma túy rồi đi về nhà còn T3 và H1 tiếp tục sử dụng hết số ma túy vừa mua được.

Trong khoảng thời gian này, Huỳnh Ngọc P đến phòng số 108 để gặp T1 và D. Tại đây, D rủ P sử dụng ma túy thì P đồng ý cùng với D và T1 thay phiên nhau sử dụng ma túy. Sau đó, D trả tiền thuê phòng đi về trước. Riêng T1, P mang dụng cụ sử dụng ma túy (bên trong vẫn còn ma túy) đến phòng số 101 rồi cùng với T3, H1 sử dụng hết số ma túy nói trên. Sau đó, H1 đi về nhà trước. Đến khoảng 20h00' ngày 22/10/2022, Công an thị trấn L kiểm tra nhà nghỉ H4 thì phát hiện sự việc.

-Tại Bản kết luận giám định số 407/GĐ-KTHS ngày 31/10/2022 của Phòng K, Công an tỉnh P kết luận: Chất bám dính trong thành 02 bình cầu thủy tinh tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine, do lượng ít nên không xác định được khối lượng; Chất lỏng trong suốt trong chai nhựa trong suốt có thể tích 460ml, tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine.

-Tại Bản kết luận giám định số 1512/KL-KTHS ngày 28/7/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng kết luận: Với thể tích chất lỏng trong suốt thu giữ ban đầu là 460ml; Nồng độ Methamphetamine là 0,013mg/ml thì khối lượng của Methamphetamine trong mẫu chất lỏng trong suốt ký hiệu A_{2.2} thu giữ ban đầu là 5,98mg (0,00598g).

Tại bản Cáo trạng số: 06/CT-VKS-ĐX ngày 27/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Phạm Hồng Duy, Trương Nguyễn Kim T1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS và tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS; Các bị cáo Lê Phụng T3, Nguyễn Tổng H1 về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS; Bị cáo Huỳnh Ngọc P về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS; Bị cáo Trương Thị Cẩm T5 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 BLHS.

* Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên các bị cáo Phạm Hồng D, Trương Nguyễn Kim T1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; Lê Phụng T3, Nguyễn Tổng H1, Huỳnh Ngọc P phạm tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; Trương Thị Cẩm T5 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt:

- Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS; điểm a khoản 1 Điều 55; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Phạm Hồng D, Trương Nguyễn Kim T1. Xử phạt:

+ Bị cáo Phạm Hồng D từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội từ 15 năm 03 tháng đến 16 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bị cáo Trương Nguyễn Kim T1 từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội từ 14 năm 03 tháng đến 14 năm 09 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

- Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Lê Phụng T3, Nguyễn Tổng H1. Xử phạt mỗi bị cáo từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

- Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Huỳnh Ngọc P. Xử phạt bị cáo P từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56 BLHS đối với bị cáo Trương Thị Cẩm T5. Xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, tổng hợp với hình phạt 17 (mười bảy) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 25/01/2024 của TAND tỉnh Phú Yên về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 19 năm 06 tháng đến 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2022.

Về vật chứng vụ án:

- Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Tịch thu tiêu huỷ vật chứng, đồ vật cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng.

- Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu nộp ngân sách vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội gồm những chiếc điện thoại các đối tượng dùng để liên lạc mua, bán ma túy và số tiền bán ma túy có được

- Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Trả lại tài sản cho bị cáo không dùng vào việc phạm tội.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tổng H1 - Luật sư Nguyễn Thanh M1 trình bày: Thống nhất với tội danh truy tố của VKS đối với bị cáo Nguyễn Tổng H1. Tuy nhiên, bị cáo H1 chỉ phạm tội có 01 lần chứ không phải phạm tội hai lần như VKS truy tố; bị cáo đã được cha ruột là ông Nguyễn Phi L chở đến Công an thị trấn L để khai báo về việc bản thân đã sử dụng ma túy với các bị cáo khác, việc bị cáo đi cùng cùng cha đến cơ quan công an để khai báo là tự nguyện, không chống đối nên phải được xem là tự thú, là tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm r, khoản 1 Điều 51 BLHS. Từ đó, đề nghị HĐXX xem xét không áp dụng tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 BLHS đối với bị cáo; áp dụng thêm

điểm r, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS, quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

* Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Hồng D, Trương Nguyễn Kim T1, Lê Phụng T3, Nguyễn Tống H1, Huỳnh Ngọc P, Trương Thị Cẩm T5 đã khai nhận tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố là đúng, các bị cáo xin Tòa xem xét, giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Tống H1 thống nhất với lời bào chữa của Luật sư, không trình bày bổ sung gì thêm.

* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt khai như nội dung Cáo trạng mô tả, đã nhận lại xe máy bị tạm giữ và không tranh luận gì, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa, vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng xét thấy họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 BLTTHS.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và các vật chứng thu giữ được; phù hợp với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân đã truy tố. HĐXX đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19h00' ngày 21/10/2022, tại cổng sau Bệnh viện Đa khoa tỉnh P thuộc phường I- thành phố T, Trương Thị Cẩm T5 đã bán ma túy loại Methamphetamine

cho Phạm Hồng D với số tiền 500.000 đồng. Sau đó, D mang ma túy đến nhà nghỉ H4 thuộc khu phố L- thị trấn L- huyện Đ. Trong khoảng thời gian từ ngày 21 đến ngày 22/10/2022, tại nhà nghỉ H4, Phạm Hồng D và Trương Nguyễn Kim T1 đã bán ma túy loại Methamphetamine cho Lê Phụng T3 02 lần với giá 490.000 đồng. Cũng trong khoảng thời gian trên, tại nhà nghỉ H4 các bị can đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể như sau: Tại phòng số 108: Phạm Hồng D và Trương Nguyễn Kim T1 đã cung cấp ma túy, dụng cụ cùng sử dụng ma túy với Nguyễn Văn N1 01 lần và cùng sử dụng với Huỳnh Ngọc P 01 lần. Tại phòng số 101: Lê Phụng T3 đã cung cấp ma túy, địa điểm cùng sử dụng với Nguyễn Tổng H1 01 lần; T3 và H1 cung cấp ma túy, địa điểm cùng nhau sử dụng 01 lần và cho Nguyễn Chí T7 sử dụng ma túy 01 lần; T1 và P cung cấp ma túy, T3 và H1 cung cấp địa điểm cùng nhau sử dụng ma túy 01 lần, nên hành vi của các bị cáo Phạm Hồng D, Trương Nguyễn Kim T1 đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS và tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS; Các bị cáo Lê Phụng T3, Nguyễn Tổng H1 đã cấu thành tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS; Bị cáo Huỳnh Ngọc P đã cấu thành tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS; Bị cáo Trương Thị Cẩm T5 đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 BLHS. Do đó, Cáo trạng số: 06/CT-VKS-ĐX ngày 27/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Ma túy còn là nguyên nhân chính làm phát sinh tội phạm và tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, làm tổn hại sức khỏe, khả năng lao động của người sử dụng. Các bị cáo là người đã thành niên, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy nhưng vẫn thực hiện hành vi mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do vậy, cần xét xử nghiêm và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, tương xứng với mức độ phạm tội của từng bị cáo gây ra. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện các hành vi phạm tội khác nhau. Do vậy, cần phân tích mức độ, động cơ, mục đích, vai trò và nhân thân của từng bị cáo để quyết định hình phạt phù hợp.

[3.1] Đối với bị cáo Phạm Hồng D: Bị cáo là người trực tiếp đi mua ma túy, bán ma túy trái phép 02 lần thu lợi bất chính 590.000 đồng. Bị cáo đã cùng với Trương Nguyễn Kim T1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn N1 01 lần và Huỳnh Ngọc P 01 lần. Bị cáo bị truy tố cùng lúc 02 tội danh và 02 tình tiết định khung ở mỗi tội. Do đó, cần xử lý bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo có vai trò chính trong vụ án, nên mức án đối với bị cáo cao hơn mức án của Trương Nguyễn Kim T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và các bị cáo khác trong vụ án. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có công báo tin giúp lực lượng Công an xã X và Công an huyện Đ triệt xóa thành công một tụ điểm “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, nên xét giảm nhẹ một phần hình phạt và xử phạt ở mức thấp hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình, xã hội. Bị cáo bị xét xử 02 tội nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[3.2] Đối với bị cáo Trương Nguyễn Kim T1: Tại nhà nghỉ H4, bị cáo đã góp tiền, chủ động nhờ Lương Chí C1 mua ống hút để sử dụng ma túy; cùng với Phạm Hồng D tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn N1 01 lần và Huỳnh Ngọc P 01 lần; cung cấp ma túy để cùng sử dụng trái phép với Huỳnh Ngọc P, Lê Phụng T3, Nguyễn Tổng H1 01 lần. Đã thống nhất với Phạm Hồng D bán ma túy cho người khác và trực tiếp đi giao ma túy 02 lần cho Lê Phụng T3. Bị cáo bị truy tố cùng lúc 02 tội danh và 02 tình tiết định khung ở mỗi tội. Bị cáo có vai trò tích cực trong vụ án này, nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Trong tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo không hưởng tiền thu lợi bất chính, ma túy không phải của bị cáo mua nên mức án của bị cáo thấp hơn mức án của Phạm Hồng D đối với tội danh này. Bị cáo bị xét xử 02 tội, nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[3.3] Đối với bị cáo Lê Phụng T3: Bị cáo là người trực tiếp mua ma túy từ Trương Nguyễn Kim T1 02 lần, chuẩn bị dụng cụ, sau đó đã rủ rê và cùng với Nguyễn Tổng H1 sử dụng 01 lần, cùng với H1 mua ma túy sử dụng và cho Nguyễn

Chí T7 sử dụng một lần; cung cấp địa điểm để cùng sử dụng với Huỳnh Ngọc P và Trương Nguyễn Kim T1 01 lần. Bị cáo bị truy tố cùng lúc 02 tình tiết định khung hình phạt nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm hơn bị cáo Nguyễn Tổng H1 nên mức án của bị cáo T3 phải cao hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo H1.

[3.4] Đối với bị cáo Nguyễn Tổng H1: Bị cáo đã cùng với bị cáo Lê Phụng T3 góp tiền để thuê địa điểm, mua ma túy để cùng nhau sử dụng 01 lần và cho Nguyễn Chí T7 sử dụng một lần; cung cấp địa điểm để cùng sử dụng với Huỳnh Ngọc P và Trương Nguyễn Kim T1 01 lần, bị cáo đã 02 lần Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và đối với nhiều người, nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung như lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo đã phạm tội với 02 tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, nên HĐXX không chấp nhận lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo phạm tội chỉ với 01 tình tiết định khung hình phạt quy định tại b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Đối với đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS là tự thú và áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS đối với bị cáo của Luật sư bào chữa, HĐXX nhận thấy: Lời khai của bị cáo Nguyễn Tổng H1 và ông Nguyễn Phi L (cha bị cáo H1) tại phiên tòa và tại Biên bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm, đủ cơ sở xác định vào lúc 17 giờ, ngày 22/10/2022 ông Nguyễn Phi L (cha bị cáo H1) đã cùng với bị cáo H1 đến Công an thị trấn L để trình báo việc bị cáo H1 và nhóm bạn có hành vi sử dụng ma túy. Đến 20 giờ cùng ngày, Công an thị trấn L tiến hành kiểm tra nhà nghỉ H4 và phát hiện sự việc sử dụng ma túy của các bị cáo. Việc bị cáo cùng cha ruột đến Công an thị trấn L trình báo sự việc là tự nguyện, không chống đối. Vì vậy, Luật sư đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS là tự thú quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS là có cơ sở. Trong vụ án này, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo là ít nguy hiểm hơn các bị cáo D, T1, Phụng T3 và được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS đối với bị cáo, quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được

áp dụng đối với bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung như đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình, xã hội.

[3.5] Đối với bị cáo Huỳnh Ngọc P: Bị cáo đã thống nhất và cùng với Trương Nguyễn Kim T1 mang ma túy từ phòng 101 sang phòng 108 để cùng nhau sử dụng với Lê Phụng T3 và Nguyễn Tổng H1, nên cũng cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung như lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo bị truy tố với 01 tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Do đó, mức án của bị cáo P là thấp hơn so với các D, P, T1.

[3.6] Đối với bị cáo Trương Thị Cẩm T5: Bị cáo là người có nhân thân xấu, có 02 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và hiện tại bị cáo cũng đang chấp hành một bản án về tội phạm liên quan đến ma túy. Trong vụ án này nếu không có ma túy từ bị cáo bán lại cho bị cáo D thì những người khác không có ma túy để sử dụng và vụ án đã không xảy ra. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo đang chấp hành án phạt tù nhưng bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án, nên áp dụng khoản 1 Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Cẩm T5 đã chủ động nộp lại số tiền thu lợi bất chính, nên xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt như lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Các bị cáo Phạm Hồng D, Trương Thị Cẩm T5 có thu lợi bất chính từ việc bán ma túy. Tuy nhiên, số tiền thu lợi bất chính không đáng kể, hơn nữa T5 đã chủ động nộp lại và sẽ truy thu đối với D; các bị cáo khác không thu lợi bất chính. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

[4] Đối với những đối tượng liên quan:

- Đối với Nguyễn Văn N1: Phạm Hồng D khai ngày 21/10/2022, sau khi sử dụng ma túy chung thì N1 có đưa cho D số tiền 200.000 đồng để góp vào số tiền D đã mua ma túy. Sau khi sự việc xảy ra, N1 đã đi khỏi địa phương. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra và xử lý sau.

- Đối với đối tượng bán ma túy cho Trương Thị Cẩm T5 tại thành phố Hồ Chí Minh: Do không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với Lương Chí C1 được T1 nhờ mang ốt hút nhựa đến nhà nghỉ H4 đưa cho T1. C1 không biết mục đích T1 dùng ống hút để sử dụng ma túy nên hành vi của C1 không có dấu hiệu tội phạm.

- Đối với Nguyễn Chí T7: Được Lê Phụng T3 rủ sử dụng ma túy. Bản thân T7 không có hành vi tổ chức hoặc giúp sức cho việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không có dấu hiệu tội phạm. Chủ tịch UBND huyện Đ đã xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Đối với Trần Thị Thì L2 không biết việc các đối tượng sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy tại nhà nghỉ của mình nên không có dấu hiệu của tội phạm. Chủ tịch UBND huyện Đ đã xử phạt vi phạm hành chính về hành vi để xảy ra hoạt động mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực mình quản lý.

[5] *Về vật chứng vụ án:*

- Các dụng cụ phục vụ cho việc sử dụng ma túy, những đồ vật thu giữ khác. Đây là những vật chứng có liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo, vật cấm lưu hành và những vật không còn giá trị sử dụng, nên Kiểm sát viên đề nghị tịch thu tiêu huỷ theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS là có cơ sở nên chấp nhận.

- Những chiếc điện thoại các đối tượng dùng để liên lạc mua, bán, tổ chức sử dụng ma túy; số tiền mua bán ma túy có được (gồm 500.000đồng bị cáo Cẩm T5 giao nộp, Phạm Hồng D bán ma túy là 590.000 đồng), đây là công cụ, phương tiện phạm tội, tiền thu lợi bất chính, nên Kiểm sát viên đề nghị tịch thu, truy thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS là có cơ sở nên chấp nhận.

- Những tài sản còn lại bị cáo, những người liên quan không dùng vào việc phạm tội, nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên trả lại cho chủ sở hữu theo điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Hồng D, Trương Nguyễn Kim T1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; Lê Phụng T3, Nguyễn Tổng H1, Huỳnh Ngọc P phạm tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; Trương Thị Cẩm T5 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS; điểm a khoản 1 Điều 55; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Phạm Hồng D, Trương Nguyễn Kim T1; riêng bị cáo D được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS.
Xử phạt:

+ Bị cáo Phạm Hồng D 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bị cáo Trương Nguyễn Kim T1 07 (bảy) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Lê Phụng T3. Xử phạt bị cáo Lê Phụng T3 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm r, s, khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 54 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Tổng H1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tổng H1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Huỳnh Ngọc P. Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc P 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56 BLHS đối với bị cáo Trương Thị Cẩm T5. Xử phạt bị cáo Trương Thị Cẩm T5 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 17 (mười bảy) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 25/01/2024 của TAND tỉnh Phú Yên về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 19 (mười chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2022 (*ngày bắt tạm giam tại Bản án 45/2024/HS-ST ngày 25/01/2024 của TAND tỉnh Phú Yên*).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

2.1. Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) gói thuốc hiệu Cotab đã rách miệng; 02 (hai) bật lửa đã bị tháo rời một phần, có kích thước bằng nhau; 01 (một) túi nylon màu trắng, dạng túi Zip, có kích thước (25x11,5)cm; 01 (một) ống thủy tinh dạng cong dài 18cm, đường kính 0,5cm; 01 (một) ống thủy tinh dạng cong dài 08cm; 01 (một) vỏ chai nhựa trong suốt không có nhãn hiệu, nắp chai có màu xanh dương; 01 (một) bật lửa dạng khò màu xanh - đồng; 01 (một) cái kéo có kích thước (13x6)cm, trên có dòng chữ "SHIF STAIN LESS".

2.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu hồng nhạt, đã qua sử dụng (của Phạm Hồng D).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu bạc, có số Sêri: DNP65FBDTTP (của Trương Nguyễn Kim T1).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6, màu hồng nhạt, màn hình bị nứt, bể ở góc trái bên dưới, điện thoại có gắn sim số 0326465739, không có ốp lưng (của Lê Phụng T3).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 96, màu cam (của Nguyễn Tổng H1).

- Tiền Việt Nam: 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*), do bị cáo Trương Thị Cẩm T5 tự nguyện giao nộp.

- Truy thu bị cáo Phạm Hồng D số tiền 590.000 đồng (gồm 100.000 đồng T1 góp sử dụng ma túy và 490.000 đồng tiền bán ma túy có được) để nộp ngân sách nhà nước.

2.3. Trả lại vật chứng, tài sản cho chủ sở hữu: Trả lại cho bị cáo Huỳnh Ngọc P 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu đen, viền màu bạc, điện thoại đã vỡ nhiều ở mặt sau, bị vỡ màn hình chính.

(Số tiền theo ủy nhiệm chi số 02 lập ngày 05/3/2024 do Công an huyện Đ nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân; Các vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/02/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và Chi cục THADS huyện Đ).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phạm Hồng D, Trương Nguyễn Kim T1, Lê Phụng T3, Nguyễn Tổng H1, Huỳnh Ngọc P, Trương Thị Cẩm T5 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên (P.KT-NV);
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- Công an huyện Đồng Xuân;
- CC THADS huyện Đồng Xuân;
- Những người tham gia tố tụng;

Trần Vĩnh Long